TOYOTA
Move your world

BẢNG GIÁ XE

Hình ảnh	Dòng xe	Mô tả	Giá
	Yaris Cross HEV (2 tông màu)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp Động cơ Hybrid (xăng + điện) dung tích 1.496 cc	740.000.000 VNĐ
	Yaris Cross HEV (trắng ngọc trai)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp Động cơ Hybrid (xăng + điện) dung tích 1.496 cc	736.000.000 VNĐ
	Yaris Cross HEV (đen)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp Động cơ Hybrid (xăng + điện) dung tích 1.496 cc	728.000.000 VNĐ
	Yaris Cross (2 tông màu)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp kép Động cơ xăng dung tích 1.496 cc	662.000.000 VNĐ
	Yaris Cross (trắng ngọc trai)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp kép Động cơ xăng dung tích 1.496 cc	658.000.000 VNĐ
	Yaris Cross (đen)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp kép Động cơ xăng dung tích 1.496 cc	650.000.000 VNĐ
	Raize (1 tông màu Đen, Đỏ)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp CVT Động cơ xăng dung tích 998 cc	510.000.000 VNĐ
	Raize (2 tông màu)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp CVT Động cơ xăng dung tích 998 cc	522.000.000 VNĐ
	Raize (Trắng ngọc trai)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp CVT Động cơ xăng dung tích 998 cc	518.000.000 VNĐ
	Corolla Cross 1.8HEV (Trắng ngọc trai, Đỏ)	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp Động cơ Hybrid (xăng + điện) dung tích 1.798 cc	873.000.000 VNĐ
	Corolla Cross 1.8HEV (các màu khác	5 chỗ ngồi Hộp số tự động vô cấp Động cơ Hybrid (xăng + điện) dung tích 1.798 cc	865.000.000 VNĐ
	Corolla Cross 1.8V (Trắng ngọc trai, Đỏ)	5 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng dung tích 1.798 cc	828.000.000 VNĐ

	Corolla Cross 1.8V (các màu khác)	5 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng dung tích 1.798 cc	820.000.000 VNĐ
	Wigo G	5 chỗ ngồi Số biến thiên vô cấp kép Động cơ xăng dung tích 1.198cc	405.000.000 VNĐ
	Vios 1.5G-CVT (trắng ngọc trai)	5 chỗ ngồi Hộp số CVT Động cơ xăng dung tích 1.496cc	553.000.000 VNĐ
	Vios 1.5G-CVT (các màu khác)	5 chỗ ngồi Hộp số CVT Động cơ xăng dung tích 1.496cc	545.000.000 VNĐ
	Vios 1.5E-CVT (trắng ngọc trai)	5 chỗ ngồi Hộp số CVT Động cơ xăng dung tích 1.496cc	496.000.000 VNĐ
	Vios 1.5E-CVT (các màu khác)	5 chỗ ngồi Hộp số CVT Động cơ xăng dung tích 1.496cc	488.000.000 VNĐ
	Vios 1.5E-MT (trắng ngọc trai)	5 chỗ ngồi Số sàn 5 cấp Động cơ xăng dung tích 1.496cc	466.000.000 VNĐ
	Vios 1.5E-MT (các màu khác)	5 chỗ ngồi Số sàn 5 cấp Động cơ xăng dung tích 1.496cc	458.000.000 VNĐ
	Camry HEV TOP (trắng ngọc trai, đỏ, xám ánh kim)	5 chỗ ngồi Điều hòa tự động 3 vùng độc lập Số tự động vô cấp E-CVT Động cơ Hybrid (xăng+điện) dung tích 2.487cc	1.472.000.000 VNĐ
	Camry HEV TOP (các màu khác)	5 chỗ ngồi Điều hòa tự động 3 vùng độc lập Số tự động vô cấp E-CVT Động cơ Hybrid (xăng+điện) dung tích 2.487cc	1.460.000.000 VNĐ
	Camry HEV MID (trắng ngọc trai, đỏ, xám ánh kim)	5 chỗ ngồi Điều hòa tự động 3 vùng độc lập Số tự động vô cấp E-CVT Động cơ Hybrid (xăng+điện) dung tích 2.487cc	1.472.000.000 VNĐ
	Camry HEV MID (các màu khác)	5 chỗ ngồi Điều hòa tự động 3 vùng độc lập Số tự động vô cấp E-CVT Động cơ Hybrid (xăng+điện) dung tích 2.487cc	1.460.000.000 VNĐ
	Innova Cross 2.0 HEV (Trắng ngọc trai)	7 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ Hybrid (xăng + điện) Dung tích 1.987cc	968.000.000 VNĐ
	Innova Cross 2.0 HEV (các màu khác)	7 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ Hybrid (xăng + điện) Dung tích 1.987cc	960.000.000 VNĐ

	Innova Cross 2.0 V (Trắng ngọc trai)	8 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng Dung tích 1.987cc	833.000.000 VNĐ
	Innova Cross 2.0 V (Các màu khác)	8 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng Dung tích 1.987cc	825.000.000 VNĐ
	Innova Cross 2.0 G (Trắng ngọc trai)	8 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng Dung tích 1.987cc	738.000.000 VNĐ
	Innova Cross 2.0 G (Các màu khác)	8 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng Dung tích 1.987cc	730.000.000 VNĐ
	Veloz Cross CVT Top (trắng ngọc trai)	7 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng Dung tích 1.496 cc	668.000.000 VNĐ
	Veloz Cross CVT Top	7 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng Dung tích 1.496 cc	660.000.000 VNĐ
	Veloz Cross CVT (trắng ngọc trai)	7 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng Dung tích 1.496 cc	646.000.000 VNĐ
	Veloz Cross CVT	7 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng Dung tích 1.496 cc	638.000.000 VNĐ
	Avanza Premio CVT	7 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ xăng Dung tích 1496 cc	598.000.000 VNĐ
	Avanza Premio MT	7 chỗ ngồi Số sàn 5 cấp Động cơ xăng Dung tích 1.496 cc	558.000.000 VNĐ
	Fortuner 2.7 AT 4x2	7 chỗ ngồi Hộp số tự động 6 cấp Động cơ dầu dung tích 2.694 cc, 4x2	1.155.000.000 VNĐ
	Fortuner 2.7 AT 4x2 (trắng ngọc trai)	7 chỗ ngồi Hộp số tự động 6 cấp Động cơ dầu dung tích 2.694 cc, 4x2	1.163.000.000 VNĐ
	Fortuner Legender 2.7AT 4x2	7 chỗ ngồi Hộp số tự động 6 cấp Động cơ xăng dung tích 2.694 cc, 4x2	1.290.000.000 VNĐ

	Fortuner Legender 2.7AT 4x2 (Trắng ngọc trai)	7 chỗ ngồi Hộp số tự động 6 cấp Động cơ xăng dung tích 2.694 cc, 4x2	1.298.000.000 VNĐ
	Fortuner Legender 2.7AT 4x2 (Trắng ngọc trai nóc đen)	7 chỗ ngồi Hộp số tự động 6 cấp Động cơ xăng dung tích 2.694 cc, 4x2	1.302.000.000 VNĐ
	Fortuner Legender 2.7AT 4x4	7 chỗ ngồi Hộp số tự động 6 cấp Động cơ xăng dung tích 2.694 cc, 4x4	1.395.000.000 VND
	Fortuner Legender 2.7AT 4x4 (Trắng ngọc trai)	7 chỗ ngồi Hộp số tự động 6 cấp Động cơ xăng dung tích 2.694 cc, 4x4	1.403.000.000 VNĐ
	Fortuner Legender 2.7AT 4x4 (Trắng ngọc trai nóc đen)	7 chỗ ngồi Hộp số tự động 6 cấp Động cơ xăng dung tích 2.694 cc, 4x4	1.407.000000 VNĐ
	Alphard HEV (Trắng ngọc trai, Nâu ánh vàng)	7 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ Hybrid (xăng + điện) dung tích 2.487 cm3	4.435.000.000 VNĐ
	Alphard HEV (màu khác)	7 chỗ ngồi Số tự động vô cấp Động cơ Hybrid (xăng + điện) dung tích 2.487 cm3	4.415.000.000 VNĐ
	Land Cruiser Prado (trắng ngọc trai)	7 chỗ ngồi Số tự động 8 cấp Động cơ xăng tăng áp dung tích 2.393cc, 4x4	3.500.000.000 VNĐ
	Land Cruiser Prado (các màu khác)	7 chỗ ngồi Số tự động 8 cấp Động cơ xăng tăng áp dung tích 2.393cc, 4x4	3.480.000.000 VNĐ
	Land Cruiser (trắng ngọc trai)	7 chỗ ngồi Số tự động 10 cấp Động cơ xăng turbo kép, dung tích 3.445 cc, 4x4	4.600.000.000 VNĐ
	Land Cruiser (các màu khác)	7 chỗ ngồi Số tự động 10 cấp Động cơ xăng turbo kép, dung tích 3.445 cc, 4x4	4.580.000.000 VNĐ

	HILUX TRAILHUNTER 2.8 4x4 AT (Trắng ngọc trai)	5 chỗ ngồi, số tự động 6 cấp, 4x4, động cơ dầu, dung tích 2.755 cm3	911.000.000 VNĐ
	HILUX TRAILHUNTER 2.8 4x4 AT (các màu khác)	5 chỗ ngồi, số tự động 6 cấp, 4x4, động cơ dầu, dung tích 2.755 cm3	903.000.000 VNĐ
	HILUX PRO 2.8 4x2 AT (Trắng ngọc trai)	5 chỗ ngồi, số tự động 6 cấp, 4x2, động cơ dầu, dung tích 2.755 cm3	714.000.000 VNĐ
	HILUX PRO 2.8 4x2 AT (Các màu khác)	5 chỗ ngồi, số tự động 6 cấp, 4x2, động cơ dầu, dung tích 2.755 cm3	706.000.000 VNĐ
	HILUX STANDARD 2.8 4x2 MT (Trắng ngọc trai)	5 chỗ ngồi, số sàn 6 cấp, 4x2, động cơ dầu, dung tích 2.755 cm3	640.000.000 VNĐ
	HILUX STANDARD 2.8 4x2 MT(Các màu khác)	5 chỗ ngồi, số sàn 6 cấp, 4x2, động cơ dầu, dung tích 2.755 cm3	632.000.000 VNĐ

Mức giá bán lẻ trên đã bao gồm thuế VAT 10%, không bao gồm các phí đăng ký, đăng kiểm khác và được áp dụng từ ngày 23 tháng 04 năm 2019 trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

ĐƯỜNG DÂY NÓNG PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG
CUSTOMER SERVICE HOTLINE

Hotline: 1800.1524
Mobile: 0916 001 524

Email:
tmv_cs@toyotavn.com.vn

TOYOTA FINANCIAL SERVICES
TÍN DỤNG MUA XE

VAY TỪ TOYOTA, MUA XE TOYOTA, Xin vui lòng liên hệ:
* Hệ thống Đại lý ủy quyền Toyota trên toàn quốc.
* Công ty Tài Chính Toyota Việt Nam:

Tel: (84-28) 7309 0998
www.toyotafinancial.com.vn/info@toyotafinancial.com.vn

Công ty ô tô Toyota Việt Nam được quyền thay đổi bất kỳ đặc tính kỹ thuật nào mà không báo trước. Một số đặc tính kỹ thuật trong bảng này có thể khác so với thực tế.

Toyota Motor Vietnam reserves the right to alter any details of specifications and equipment without notice. Detailed specifications in this table may vary from the actual one.